TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ S
TỈNH PHÚ YÊN

Bản án số: 32/2018/HSST
Ngày: 26/9/2018

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ S - PHÚ YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Tôn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Thanh Hồng

2. Ông Trần H Phong

Thư ký phiên toà: Bà Võ Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã S

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã S tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu - Kiểm sát viên.

Lúc 08 giờ 00 phút ngày 26 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã S, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 28/2018/TLST-HS ngày 09 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2018/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Văn H**, sinh ngày 01/02/1992 tại S, Phú Yên; Tên gọi khác: "Trọc"; Nơi ĐKNKTT và chổ ở: Thôn B, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 05/12; Con ông Lê Văn A, sinh năm 1944 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1955; Vợ con: Chưa; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị tạm giam, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

1- Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1996

2- Võ Văn S, sinh năm 1993

Đều trú tại: Thôn Bình Thạnh, xã Xuân Bình, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1- Võ Trọng L, sinh năm 1993

Trú tại: Thôn Thạch Khê, xã Xuân Lộc, thị xã S, tỉnh Phú Yên

Vắng mặt không có lý do.

2- Lê Văn T, sinh năm 1996

Trú tại: Thôn Mỹ Phụng, xã Xuân Lộc, thị xã S, tỉnh Phú Yên

Vắng mặt không có lý do.

Người làm chứng:

1- Nguyễn Văn H, sinh năm 1986

Trú tại: Thôn Bình Thạnh Nam, xã Xuân Bình, thị xã S, tỉnh Phú Yên

Vắng mặt không có lý do.

2- Nguyễn Văn L, sinh năm 1994

Trú tại: Thôn Thạch Khê, xã Xuân Lộc, thị xã S, tỉnh Phú Yên

Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 02 giờ 30 phút ngày 13/01/2018, Lê Văn H lén lút vào nhà ông Nguyễn Văn H tại thôn B, xã X, thị xã S dắt chiếc xe mô tô biển kiểm soát 78D1-137.90 của vợ chồng chị Nguyễn Thị Tuyết M, anh Võ Văn S đang dựng tại đây. H dắt xe đến dốc "Ồ Ồ" thuộc thôn B, xã X làm xe ngã, hư hỏng phần đầu xe, H tháo bửng chắn gió vứt bỏ rồi nối dây điện bình xe khởi động được xe. Khi H điều khiển xe đến thôn T, xã X thì xe hết xăng nên dựng xe tại khu vực rừng tràm thôn T, xã X rồi về nhà chị ruột là Lê Thị H gần đó ngủ. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, H gọi điện cho Lê Văn T điều khiển xe mô tô chở đến quán cà phê tại thôn T, xã X, H và T gặp Võ Trọng L, L rủ H và T về nhà của L tại thôn T, xã X để tham gia chơi bầu cua ăn thua bằng tiền. Sau đó, T chở H đến nhà L, H cùng tham gia đánh bầu cua với Võ Trọng L, Nguyễn Văn L, Nguyễn Dũng S và C (không rõ họ, tên đầy đủ). Do thua hết tiền nên H hỏi L có cầm xe máy không, L hỏi xe máy của ai, giấy tờ đâu thì H trả lời xe của H, giấy tờ bỏ ở nhà, L hỏi chiếc xe máy đó đâu, H nói xe để ở dưới kia. L bảo H chạy xe đến nhà L thì H nhờ T chở đến khu vực rừng tràm để lấy xe. Do xe mô tô biển kiểm soát 78D1-137.90 hết xăng nên H nhờ T đẩy xe 78D1-137.90 về nhà L. L hỏi H sao xe lại đẩy, H trả lời xe hết xăng và H nói với L khi nào có tiền H sẽ lấy lại chiếc xe nên L đưa cho H số tiền 2.500.000 đồng rồi L giữ xe 78D1-137.90. H đưa

cho T số tiền 200.000 đồng rồi tiếp tục tham gia đánh bạc. Đến khoảng 02 giờ ngày 14/01/2018, T chở H về, trên đường về T hỏi H nguồn gốc xe 78D1-137.90 thì H nói "xe 78D1-137.90 bạn tao trộm ở trong Quán Đế" rồi cả hai về nhà ngủ. Chị Nguyễn Thị Tuyết M báo cáo sự việc bị mất tài sản cho Công an thị xã S điều tra, làm rõ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐG ngày 28/02/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thị xã S kết luận: Giá trị xe mô tô BKS 78D1-137.90 nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, số máy 5C6H-099224, số khung: C6H0EY099219, sơn màu đỏ đen, đã qua sử dụng tại thời điểm ngày 13/01/2018 là 12.000.000 đồng.

Về vật chứng vụ án: 01 (một) xe mô tô BKS 78D1-137.90 nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, số máy 5C6H-099224, số khung: C6H0EY099219, sơn màu đỏ đen cơ quan điều tra Công an thị xã S đã trao trả cho người bị hại.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Lê Văn H đã khắc phục hư hỏng xe mô tô 78D1-137.90, bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Đối với hành vi Võ Trọng L cầm cố xe mô tô BKS 78D1-137.90 với số tiền 2.500.000 đồng từ bị cáo H, nhưng không biết xe do H trộm cắp mà có, nên cơ quan điều tra không xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với hành vi Lê Văn T giúp bị cáo H đẩy xe mô tô BKS 78D1-137.90, nhưng không biết xe mô tô này là do H trộm cắp và khi bị cáo H cầm cố cho L lấy tiền cũng không biết là xe trộm cắp. Riêng số tiền 200.000 đồng là T mượn của bị cáo H khi có tiền trả lại, nên cơ quan điều tra không xử lý theo quy định của pháp luật. Sau khi bị cáo cầm cố xong, trên đường về nhà T hỏi xe cầm cố ở đâu ra thì lúc này bị cáo nói cho T biết là xe trộm cắp, nhưng do hành vi phạm tội của bị cáo H bị truy tố tại khoản 1 Điều 173 BLHS, nên T không phạm tội "Không tố giác tội phạm" theo Điều 390 BLHS.

Tại phiên tòa bị cáo khai: Do thiếu tiền tiêu xài, nên khi phát hiện xe mô tô của vợ chồng chị Nguyễn Thị Tuyết u và anh Võ Văn S để trong nhà ông Nguyễn Văn H, bị cáo đã lén lút trộm xe của vợ chồng chị M, sau đó cầm cố cho L lấy tiền đánh bầu cua với L như bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu. Bị cáo thừa nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" là đúng không oan gì cho bị cáo. Bị cáo đã bồi thường cho bị hại tiền hư hỏng xe, còn lại số tiền L nhận cầm cố xe đưa cho bị cáo 2.500.000 đồng bị cáo sẽ trả lại cho L. Xin Hội đồng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 22/CT - VKS ngày 14/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã S truy tố bị cáo Lê Văn H về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố theo bản cáo trạng số 22/CT - VKS ngày 14/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã S truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản". Căn cứ tính chất, mức độ, hậu quả, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Văn H phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS, đề nghị Hội đồng xét xử phạt bị cáo Lê Văn H từ 06 đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam ngày 24/7/2018. Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Vật chứng vụ án: 01 (một) xe mô tô BKS 78D1-137.90 nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, số máy 5C6H-099224, số khung C6H0EY099219, sơn màu đỏ đen cơ quan điều tra Công an thị xã S đã trao trả cho người bị hại nên đề nghị không xét.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu bồi thường nên không xét. Đề nghị buộc bị cáo trả lại số tiền 2.500.000 đồng cầm cố xe mô tô BKS 78D1-137.90 cho anh Võ Trọng L.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo nhận tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thị xã S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã S, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Qúa trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Lê Văn H tại phiên tòa sơ thẩm và tại cơ quan điều tra phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người bị hại, phù hợp kết luận định giá tài sản, lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm

chứng; phù hợp với tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đủ căn cứ xác định: Chính bị cáo Lê Văn H lén lút trộm cắp 01 xe mô tô biển kiểm soát 78D1-137.90 của vợ chồng chị Nguyễn Thị Tuyết M, anh Võ Văn S trị giá 12.000.000 đồng; đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản".

Do đó, quyết định truy tố tại bản Cáo trạng số 22/CT - VKS ngày 14/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã S và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan gì cho bị cáo.

[3] Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản thuộc sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là người đã thành niên, có đủ năng l chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì để có tiền tiêu xài và đánh bạc bị cáo đã bất chấp pháp luật. Nên cần xử lý tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Xét bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã tự nguyện sửa chữa, khắc phục bồi thường phần hư hỏng xe 78D1-137.90 và đầu thú, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Nên giảm phần nào về hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo.

[4] Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa áp dụng điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Quá trình điều tra, truy tố bị cáo đi khỏi địa phương, nhưng không có mục đích lẩn trốn mà đi làm ăn và sau đó đã về đầu thú, nên Kiểm sát viên đề nghị hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS là có căn cứ chấp nhận.

[5] Đối với Võ Trọng L có cầm xe mô tô 78D1-137.90, nhưng L không biết xe mô tô 78D1-137.90 do H trộm cắp mà có nên không cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo Điều 323 BLHS năm 2015 nên không xét.

[6] Đối với Lê Văn T có hành vi đẩy giúp xe mô tô 78D1-137.90 cho bị cáo H và nhận số tiền 200.000 đồng từ số tiền 2.500.000 đồng là tài sản do H trộm cắp mà có. Tuy nhiên, tại thời điểm T đẩy giúp xe, nhận tiền thì T không biết tài sản do H trộm cắp mà có nên không cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo Điều 323 BLHS năm 2015. Khi trên đường T chở H về, T hỏi H nguồn gốc xe 78D1-137.90 thì H nói "Xe 78D1-137.90 bạn tao trộm ở trong Quán Đế" thì lúc này, T biết xe mô tô 78D1-13790 do trộm cắp mà có nhưng không tố giác. Tuy nhiên, Lê Văn H bị khởi tố theo khoản 1 Điều 173 BLHS nên hành vi của T không cấu thành tội "Không tố giác tội phạm" theo Điều 390 BLHS năm 2015 nên không xét.

[7] Đối với Võ Trọng L, Nguyễn Văn L, Nguyễn Dũng S, Lê Văn H, Lê Văn T có hành vi đánh bạc ăn thua bằng tiền, nhưng quá trình điều tra không có đủ tài liệu chứng minh để xử lý về tội đánh bạc, do đó Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã S chuyển xử phạt hành chính nên không xét.

[8] Về vật chứng vụ án: 01 (một) xe mô tô BKS 78D1-137.90 nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, số máy 5C6H-099224, số khung: C6H0EY099219, sơn màu đỏ đen cơ quan điều tra Công an thị xã S đã trao trả cho người bị hại nên không xét.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu bồi thường nên HĐXX không xét. Đối với số tiền cầm cố xe mô tô BKS 78D1-137.90 là 2.500.000 đồng bị cáo nhận từ Võ Trọng L, nhưng L không biết xe do bị cáo trộm cắp mà có nên buộc bị cáo phải bồi thường số tiền 2.500.000 đồng cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Võ Trọng L.

[10] Về án phí: Bị cáo Lê Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn H phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn H 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam 24/7/2018.

Vật chứng vụ án: 01 (một) xe mô tô BKS 78D1-13790 nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, số máy 5C6H-099224, số khung: C6H0EY099219, sơn màu đỏ đen cơ quan điều tra Công an thị xã S đã trao trả cho người bị hại nên không xét.

Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lê Văn H phải bồi thường số tiền 2.500.000 *(Hai triệu năm trăm nghìn)* đồng cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Võ Trọng L.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong thì còn phải chịu lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với từng thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án

Về án phí: Áp dụng các Điều 135 và 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Lê Văn H phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm .

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã S;
- Công an thị xã S
(Cơ quan điều tra + Nhà tạm giữ);
- Chi cục THADS thị xã S;
- Bị cáo;
- Bị hại; Người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Toạ phiên Toà

Trần Văn Tôn

Hội thẩm nhân dân	chủ tọa phiên tòa
Phạm Tấn Nghĩa, Phạm Ngọc Hiền	Lương Thành Trung